



INCOLOY® 800

► Đặc điểm chính

Khả năng chống oxy hóa và cacbon hóa tuyệt vời ở nhiệt độ cao

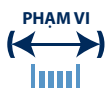
Chịu ăn mòn ở nhiều môi trường nước

Ứng dụng tĩnh nhiệt độ cao**

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho *khách hàng của chúng tôi*



0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

INCOLOY® 800 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



Bảng dữ liệu kỹ thuật **AWS 020 Rev.2**

INCOLOY® 800



Incoloy® 800 còn được gọi là Nicrofer 3220, Nicrimphy 800, Pyromet 800.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	BS 3075 NA15 BS 3076 NA15	W.NR 1.4876 UNS N08800 AWS 020	Chống ăn mòn ở nhiệt độ môi trường xung quanh Kết tủa cứng Ứng dụng tĩnh nhiệt độ cao**	Đường ống xử lý Bộ trao đổi nhiệt Thiết bị chế hòa khí Vỏ thành phần gia nhiệt
Ni	30.00	35.00				
Co	–	2.00				
Cu	–	0.75				
Cr	19.00	23.00				
Al	0.15	0.60				
C	–	0.10				
Si	–	1.00				
Mn	–	1.50				
Ti	0.15	0.60				
Fe	bal					
S	–	0.015				

Khối lượng riêng	7.94 g/cm³	0.287 lb/in³
Điểm nóng chảy	1385°C	2525°F
Hệ số giãn nở	14.4 µm/m °C (20 – 100°C)	7.9 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)
Mô-đun độ cứng	78.9 kN/mm²	11444 ksi
Mô đun đàn hồi	196.5 kN/mm²	28500 ksi

Xử lý nhiệt các bộ phận thành phẩm					
Điều kiện được Alloy Wire cung cấp	Loại	Nhiệt độ		Thời gian (giờ)	Làm mát
		°C	°F		
Ủ nhiệt hoặc Nhiệt đàn hồi	Khử ứng suất	450 – 470	840 – 880	0.5 – 1	Không khí

Thuộc tính				
Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ hoạt động tương đối tùy thuộc vào tải ** và môi trường	
	N/mm²	ksi	°C	°F
Ủ	600 – 800	87 – 116	-200 đến +815	-330 đến +1500
Nhiệt đàn hồi	800 – 1100	116 – 159	-200 đến +815	-330 đến +1500

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.

*Tên thương mại của Special Metals Group of Companies

